# PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

## BỘ QUỐC PHÒNG

| | |
|---|---|
| **BỘ QUỐC PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 22/2013/TT-BQP | *Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2013* |

**THÔNG TƯ**
**Quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội**

Căn cứ Pháp lệnh số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP về vật liệu nổ công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội như sau:

### Chương I
### QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh; bảo quản, vận chuyển, sử dụng; huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp; quản lý đầu tư, tài chính; trình tự, thủ tục cấp giấy phép, giấy chứng nhận; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị; chế độ báo cáo, kiểm tra đối với lĩnh vực hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân thuộc Bộ Quốc phòng quản lý có tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 3. Nguyên tắc quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp**

1. Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội.

2. Đầu tư nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp theo đúng quy hoạch của Chính phủ.

3. Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật khi tham gia hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

4. Bảo đảm hiệu quả và phát triển bền vững.

5. Chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phòng cháy và chữa cháy; trật tự an toàn xã hội và môi trường.

## Chương II
## HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

### Mục 1
### NGHIÊN CỨU, SẢN XUẤT, KINH DOANH, VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

**Điều 4. Nghiên cứu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

1. Viện nghiên cứu, doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được thực hiện nghiên cứu, phát triển sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo kế hoạch do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc chuyển giao công nghệ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được thực hiện tại các đơn vị, doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch được Chính phủ phê duyệt.

**Điều 5. Điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

1. Sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ do đơn vị, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và Bộ Công an.

2. Mặt bằng, nhà xưởng, dây chuyền, thiết bị sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Quy trình công nghệ sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Có đầy đủ trang thiết bị an toàn; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống sét; bảo vệ môi trường; bảo hộ lao động; hệ thống xử lý chất thải, nước thải. Kho chứa nguyên liệu, kho chứa thành phẩm phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Chủng loại sản phẩm, công suất sản xuất phù hợp với quy hoạch phát triển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; thực hiện đúng các quy định về bảo quản, bao gói và ghi nhãn mác sản phẩm.

4. Đơn vị, doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp được bán sản phẩm cho các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; nhập khẩu, ủy thác nhập khẩu hoặc mua tiền chất thuốc nổ từ doanh nghiệp có giấy phép sản xuất, kinh

doanh hoặc nhập khẩu đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 5 và Khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

5. Đơn vị, doanh nghiệp sản xuất tiền chất thuốc nổ được bán sản phẩm cho đơn vị, doanh nghiệp sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

6. Có phương án phòng cháy và chữa cháy được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phương án phòng ngừa ứng phó sự cố và xử lý môi trường.

7. Người chỉ huy, quản lý và người lao động liên quan trực tiếp đến sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải được đào tạo và có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao.

**Điều 6. Điều kiện kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

1. Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ do đơn vị, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương và Bộ Công an; có giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật.

2. Mua, bán vật liệu nổ công nghiệp có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp Việt Nam cho các đơn vị, doanh nghiệp có giấy phép sử dụng. Phải mua lại vật liệu nổ công nghiệp thừa, còn hạn chưa sử dụng và đảm bảo chất lượng của các đơn vị, doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng; việc mua bán phải được thực hiện bằng hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp không có kho chứa, được phép ký hợp đồng thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ và chịu trách nhiệm quản lý kho hoặc hợp đồng gửi hàng hóa tại kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ với các đơn vị, doanh nghiệp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Người chỉ huy, quản lý và người lao động liên quan trực tiếp đến kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ được đào tạo và phải có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao.

**Điều 7. Xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

1. Đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực hiện xuất khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo nội dung giấy phép đã được cấp.

2. Trường hợp trong nước chưa sản xuất được vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; sản xuất không đáp ứng được nhu cầu sử dụng hoặc giá thành sản phẩm cao hơn giá nhập khẩu thì đơn vị, doanh nghiệp có giấy phép mới được phép nhập khẩu.

3. Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải được Tổng cục Công nghiệp quốc phòng phê duyệt trước khi ký kết.

4. Thực hiện công bố phù hợp quy chuẩn đối với vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ nhập khẩu và áp dụng hệ thống quản lý đảm bảo chất lượng sản phẩm; bảo quản, bao gói, ghi nhãn theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn trước khi đưa vào lưu thông, sử dụng.

## Mục 2
## BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

### Điều 8. Điều kiện bảo quản vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, có địa điểm phải đáp ứng các yêu cầu về an ninh; đảm bảo khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ; đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về cấu trúc, vật liệu xây dựng và thỏa mãn các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy; phòng nổ, chống sét, kiểm soát tĩnh điện; an toàn cho người lao động và bảo vệ môi trường đáp ứng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định liên quan, có đầy đủ trang thiết bị và mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

2. Người quản lý, thủ kho, bảo vệ và những người liên quan đến bảo quản vật liệu nổ công nghiệp được đào tạo và phải có chứng chỉ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Trang bị các phương tiện, thiết bị phục vụ việc bảo vệ canh gác; phòng, chống cháy nổ và chữa cháy; thông tin liên lạc; bốc dỡ và cấp phát vật liệu nổ công nghiệp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

4. Có phương án phòng cháy và chữa cháy; bảo vệ an ninh, trật tự được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Khi có cháy nổ, người xâm nhập trái phép, trường hợp khẩn cấp khác phải có biện pháp xử lý kịp thời.

### Điều 9. Điều kiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

1. Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận chuyển hoặc đơn vị, doanh nghiệp có giấy phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Phương tiện vận chuyển đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật; đáp ứng các quy định theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; đáp ứng các điều kiện theo quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về cháy, nổ trên đường vận chuyển; mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định.

3. Người quản lý, áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ

được giao; được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 10. Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

1. Thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ khi đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư này và được cấp mệnh lệnh vận chuyển.

2. Người thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải kiểm tra giấy tờ; phương tiện, hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng đỗ và khắc phục ngay các hư hỏng (nếu có). Thực hiện đúng các nội dung ghi trong mệnh lệnh vận chuyển và giao nhận hàng hóa theo quy định. Báo cáo kết quả thực hiện mệnh lệnh về cơ quan cấp phép sau khi kết thúc quá trình vận chuyển (Mẫu số 06).

3. Không đi qua trung tâm thành phố vào giờ cao điểm; không dừng, đỗ phương tiện trong thành phố, thị xã, thị trấn nơi đông dân cư, gần trạm xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh; không vận chuyển trong điều kiện thời tiết bất thường. Việc xếp, dỡ vật liệu nổ công nghiệp trên phương tiện vận chuyển phải do thủ kho, người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải trực tiếp hướng dẫn và giám sát.

4. Trường hợp phương tiện vận chuyển có sự cố, tai nạn hoặc bị cản trở giao thông, người áp tải và người điều khiển phương tiện phải có biện pháp ngăn chặn xâm nhập trái phép và loại trừ các khả năng xuất hiện nguồn lửa trong khu vực sự cố, tránh nguy hiểm cho người đang tham gia giao thông. Thông báo kịp thời cho cơ quan quân sự, công an, chính quyền địa phương khu vực có sự cố để được hỗ trợ xử lý kịp thời.

5. Trường hợp không thực hiện được mệnh lệnh vận chuyển đã cấp, đơn vị, doanh nghiệp nộp lại mệnh lệnh cũ và đề nghị cấp mới.

## Mục 3
## SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

**Điều 11. Điều kiện sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

1. Đơn vị, doanh nghiệp có nhiệm vụ, có đăng ký kinh doanh ngành nghề cần sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

2. Có kho chứa vật liệu nổ công nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 8 Thông tư này; có công nghệ, thiết bị, phương tiện dụng cụ phục vụ công tác sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Trường hợp không có kho chứa được thuê kho chứa có đủ điều kiện của các đơn vị, doanh nghiệp khác.

3. Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo về an ninh trật tự, đảm bảo khoảng cách an toàn đối với khu dân cư, các công trình, đối tượng cần bảo vệ theo quy định. Có phương án phòng chống cháy nổ và chữa cháy theo quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Có phương án nổ mìn phù hợp với quy mô khai thác thi công; lập hộ chiếu nổ mìn theo đúng quy định hiện hành.

5. Chỉ huy đơn vị, người chỉ huy nổ mìn, thợ mìn và những người khác có liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện về an ninh trật tự; có chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao; được huấn luyện về kỹ thuật an toàn, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ an ninh, ứng phó sự cố trong các hoạt động liên quan đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 12. Quản lý sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

1. Đơn vị, doanh nghiệp sử dụng mua vật liệu nổ công nghiệp có trong Danh mục vật liệu nổ công nghiệp được phép sản xuất và sử dụng tại Việt Nam từ các doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp.

2. Vật liệu nổ công nghiệp không sử dụng hết phải bán lại cho doanh nghiệp được phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp. Trường hợp vật liệu nổ công nghiệp không đảm bảo chất lượng, phải tiến hành tiêu hủy theo quy định.

3. Trường hợp đơn vị, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không tự thực hiện việc nổ mìn thì được phép ký kết hợp đồng thuê toàn bộ công việc nổ mìn với đơn vị, doanh nghiệp khác có Giấy phép dịch vụ nổ mìn. Đơn vị, doanh nghiệp thực hiện dịch vụ nổ mìn chịu trách nhiệm xin giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và thực hiện dịch vụ nổ mìn theo quy định.

## Mục 4
## HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

**Điều 13. Đối tượng huấn luyện**

1. Người chỉ huy, người điều hành công tác sản xuất, kinh doanh, cung ứng và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

2. Đối tượng liên quan trực tiếp đến vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ gồm: Thủ kho, công nhân bốc xếp, bảo vệ, áp tải, người điều khiển phương tiện vận chuyển, chỉ huy nổ mìn, thợ mìn.

**Điều 14. Nội dung huấn luyện**

1. Các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này được phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp và huấn luyện các nội dung sau:

a) Nghiệp vụ quản lý kinh doanh;

b) Các nội dung quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

c) Phương pháp xây dựng, lập và thực hiện kế hoạch biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Phương pháp tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động nổ mìn.

2. Các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư này được phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp và huấn luyện các nội dung sau:

a) Các nội dung quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp;

b) Công tác an ninh, an toàn và vệ sinh lao động;

c) Nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy.

**Điều 15. Hình thức và thời gian huấn luyện**

1. Huấn luyện cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này như sau:

a) Huấn luyện lần đầu gồm các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 14 Thông tư này;

b) Huấn luyện định kỳ bổ sung, cập nhật kiến thức về pháp luật và kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; thời gian huấn luyện định kỳ 02 (hai) năm một lần.

2. Huấn luyện cho các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư này như sau:

a) Huấn luyện lần đầu gồm các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 14 Thông tư này;

b) Huấn luyện định kỳ bổ sung hoặc bồi dưỡng thêm để người lao động nắm vững các quy định, quy trình công nghệ, nội quy an toàn về vật liệu nổ công nghiệp trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ được giao do đơn vị, doanh nghiệp tổ chức;

c) Thời gian huấn luyện định kỳ tùy thuộc vào yêu cầu đảm bảo an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp của đơn vị, nhưng ít nhất 02 (hai) năm một lần;

d) Người lao động khi chuyển từ công việc này sang công việc khác; khi có sự thay đổi thiết bị, công nghệ sản xuất; sau khi nghỉ làm việc từ 06 (sáu) tháng trở lên, trước khi bố trí làm việc phải được hướng dẫn, huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp phù hợp với thiết bị, công nghệ mới và công việc được giao;

đ) Trường hợp thay đổi về điều kiện hoạt động, cơ quan quản lý vật liệu nổ công nghiệp, nơi có hoạt động vật liệu nổ công nghiệp có trách nhiệm huấn luyện bổ sung các nội dung liên quan đến việc thay đổi điều kiện hoạt động; kiểm tra, sát hạch và báo cáo cơ quan quản lý để cấp giấy chứng nhận.

## Mục 5
## QUẢN LÝ ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH

**Điều 16. Quản lý đầu tư**

1. Nội dung đầu tư gồm:

a) Nghiên cứu sản xuất vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

b) Phương tiện vận chuyển, dịch vụ nổ mìn và kho chứa.

2. Hình thức quản lý đầu tư

a) Các dự án đầu tư sản xuất phù hợp với Quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Các dự án đầu tư cho phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp được quản lý theo quy định của Nhà nước và thực hiện khi có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Các đơn vị, doanh nghiệp thực hiện đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả của dự án.

**Điều 17. Quản lý tài chính**

1. Các đơn vị, doanh nghiệp được vay vốn, huy động các nguồn vốn theo quy định của pháp luật và sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả để đầu tư phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp.

2. Các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp xây dựng giá bán theo quy định, đảm bảo lợi ích của các bên sản xuất, kinh doanh và sử dụng.

3. Thực hiện kê khai giá theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Biểu mẫu kê khai giá được lập thành 02 (hai) bộ: 01 (một) bộ gửi Bộ Tài chính, 01(một) bộ gửi Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

## Chương III
## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ

**Điều 18. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp**

Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp cho các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư này, hồ sơ 01 (một) bộ gồm:

Công văn đề nghị (Mẫu số 12) và bản sao có của cấp có thẩm quyền kế hoạch huấn luyện đã được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt kèm theo danh sách, kết quả huấn luyện.

**Điều 19. Hồ sơ cấp phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

Hồ sơ đề nghị cấp phép vận chuyển, 01 (một) bộ gồm:

1. Công văn đề nghị cấp phép vận chuyển (Mẫu số 04);

2. Bản sao của cấp có thẩm quyền hợp đồng mua bán vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ (trường hợp thực hiện vận chuyển nhiều lần, thì gửi 01(một) lần cho cả thời hạn thực hiện hợp đồng); văn bản cho phép thử nổ (trường hợp vận chuyển đi thử nổ) hoặc văn bản cho phép thu gom, tiêu hủy vật liệu nổ (trường hợp vận chuyển thu gom đi hủy) hoặc quyết định cho phép thu hồi thuốc thải loại từ việc tiêu hủy đạn các loại (trường hợp tận thu thuốc thải loại) của cơ quan có thẩm quyền;

3. Trường hợp vận chuyển thuê phải có bản sao của cấp có thẩm quyền hợp đồng vận chuyển (thực hiện vận chuyển nhiều lần, thì gửi 01 (một) lần đầu cho cả thời hạn thực hiện hợp đồng);

4. Giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xin cấp Mệnh lệnh vận chuyển (xuất trình khi nộp hồ sơ trực tiếp).

**Điều 20. Hồ sơ cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp lần đầu, 01 (một) bộ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có xác nhận cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng (Mẫu số 07);

b) Bản sao của cấp có thẩm quyền quyết định thành lập đơn vị, doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

c) Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn do cơ quan Bảo vệ an ninh cấp (Mẫu số 08);

d) Bản sao của cấp có thẩm quyền giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản đối với các đơn vị, doanh nghiệp hoạt động khoáng sản; quyết định trúng thầu thi công công trình hoặc hợp đồng nhận thầu hoặc văn bản ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hợp đồng thi công công trình của cơ quan, đơn vị quản lý cấp trên doanh nghiệp còn hiệu lực;

đ) Phương án nổ mìn (Mẫu số 10); khi thực hiện nổ mìn có ảnh hưởng đến các khu vực dân cư, cơ sở khám chữa bệnh, khu vực có các di tích lịch sử, văn hóa, bảo tồn thiên nhiên, công trình an ninh, quốc phòng hoặc công trình quan trọng khác của quốc gia, khu vực bảo vệ khác theo quy định pháp luật, phải được cơ quan cấp phép sử dụng phê duyệt;

e) Phương án giám sát ảnh hưởng nổ mìn thỏa mãn các yêu cầu của quy chuẩn về kỹ thuật an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp (nếu có); kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố khẩn cấp đối với kho, phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

g) Bản sao của cấp có thẩm quyền Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy của kho chứa vật liệu nổ theo quy định hoặc Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy còn thời hạn phù hợp với thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;

Trường hợp đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp không có kho, hồ sơ đề nghị cấp phép phải có bản sao của cấp có thẩm quyền hợp đồng thuê kho chứa vật liệu nổ công nghiệp với đơn vị, doanh nghiệp có kho đủ điều kiện theo quy định.

h) Quyết định bổ nhiệm người chỉ huy nổ mìn của lãnh đạo doanh nghiệp và danh sách thợ mìn, người liên quan trực tiếp đến sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và bản sao của cấp có thẩm quyền giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn;

i) Giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xin cấp giấy sử dụng vật liệu nổ (xuất trình khi nộp hồ sơ trực tiếp).

2. Hồ sơ đối với đơn vị Quân đội (không phải là doanh nghiệp) phục vụ thi công các công trình quốc phòng, 01 (một) bộ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có xác nhận cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng (Mẫu số 07);

b) Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn do cơ quan Bảo vệ an ninh cấp (Mẫu số 08);

c) Báo cáo tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với trường hợp đề nghị cấp lại, điều chỉnh giấy phép (Mẫu số 09).

3. Hồ sơ đối với các đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, 01 (một) bộ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp có xác nhận cấp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng (Mẫu số 07);

b) Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn do cơ quan Bảo vệ an ninh cấp (Mẫu số 08);

c) Báo cáo về hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong thời hạn hiệu lực của Giấy phép đã cấp lần trước (Mẫu số 09) và các tài liệu quy định tại Điểm b, d, đ, e, g, h, Khoản 1 Điều này, khi có sự thay đổi.

4. Đơn vị làm dịch vụ nổ mìn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, hồ sơ 01(một) bộ gồm các tài liệu quy định tại Khoản 1, Điều này và bản sao của cấp có thẩm quyền Giấy phép dịch vụ nổ mìn do Bộ Công Thương cấp.

**Điều 21. Thẩm quyền, thủ tục và hiệu lực của giấy chứng nhận, mệnh lệnh vận chuyển, giấy phép các loại**

1. Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp

a) Tổng cục Công nghiệp quốc phòng tổ chức huấn luyện kỹ an toàn vật liệu nổ công nghiệp và cấp giấy chứng nhận (Mẫu số 13) cho đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư này;

Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp (Mẫu số 13) cho đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư này theo đề nghị của đơn vị, doanh nghiệp;

b) Đơn vị, doanh nghiệp gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Quản lý công nghệ xem xét, thẩm định hồ sơ và trình Thủ trưởng Tổng cục công nghiệp quốc phòng cấp giấy chứng nhận theo quy định trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp có thời hạn 02 (hai) năm cho các đối tượng quy định tại Điều 13 Thông tư này. Riêng thủ kho vật liệu nổ có thời hạn 05 (năm) năm.

2. Cấp phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ

a) Bộ Tổng Tham mưu hướng dẫn xây dựng và tổ chức phê duyệt kế hoạch vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Cục Cảnh sát biển;

Bộ Tổng Tham mưu xem xét cấp, thu hồi, tạm ngừng mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các cơ quan, đơn vị không được phê duyệt kế hoạch vận chuyển;

b) Các quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Cục Cảnh sát biển căn cứ vào kế hoạch được Bộ Tổng Tham mưu phê duyệt, thực hiện hoặc ủy quyền cấp, thu hồi, tạm ngừng mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

c) Đơn vị, doanh nghiệp gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Tổng Tham mưu, các quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Cục Cảnh sát biển. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tham mưu thẩm định hồ sơ và trình Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, Tư lệnh,

Chủ nhiệm, Cục trưởng cấp mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho đơn vị, doanh nghiệp (Mẫu số 05); trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Hiệu lực của mệnh lệnh vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền cấp, quy định.

3. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

a) Tổng cục Công nghiệp quốc phòng xét cấp và thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng;

b) Đơn vị, doanh nghiệp gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Tổng cục Công nghiệp quốc phòng:

Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tham mưu Tổng cục Công nghiệp quốc phòng thẩm định hồ sơ trình Thủ trưởng Tổng cục cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (Mẫu số 11);

Trường hợp cần kiểm tra thực tế hiện trường, kho tàng trước khi xem xét, cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thì thời gian xét cấp không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

Trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải nộp lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính (không áp dụng đối với đơn không phải là doanh nghiệp thi công công trình quốc phòng);

d) Đối với các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để phục vụ nghiên cứu, thi công các công trình xây dựng, thủy lợi, thủy điện, giao thông, thăm dò dầu khí... thời hạn của giấy phép không quá 02 (hai) năm; đối với các đơn vị, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để phục vụ khai thác khoáng sản thời hạn của giấy phép không quá 3 (ba) năm.

**Điều 22. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, Giấy phép kinh doanh, Giấy phép dịch vụ nổ mìn, Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ**

1. Đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất; Giấy phép kinh doanh; Giấy phép dịch vụ nổ mìn; Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải lập hồ sơ theo hướng dẫn của Bộ Công Thương gửi về Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

2. Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chức năng của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng xem xét, thẩm định hồ sơ báo cáo Thủ trưởng Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, làm văn bản đề nghị Bộ Công Thương cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất; Giấy phép kinh doanh; Giấy phép dịch vụ nổ mìn; Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho đơn vị, doanh nghiệp.

## Chương IV
## TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

**Điều 23. Bộ Tổng Tham mưu**

1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị nghiên cứu tham gia quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp.

2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong việc phối hợp kiểm tra công tác sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội.

3. Hướng dẫn xây dựng và tổ chức phê duyệt kế hoạch vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ cho các đối tượng theo quy định.

4. Quyết định tạm ngừng cấp giấy phép hoặc tạm ngừng hiệu lực thi hành của Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ khi có yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội liên quan đến các hoạt động cấp quốc gia hoặc ở những khu vực có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an ninh, trật tự.

**Điều 24. Tổng cục Công nghiệp quốc phòng**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng trong Quân đội nghiên cứu, xây dựng quy hoạch phát triển ngành vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ báo cáo Bộ Quốc phòng xem xét, trình Chính phủ.

2. Nghiên cứu xây dựng, trình Bộ Quốc phòng và Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật an toàn về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp trong Quân đội.

3. Phối hợp với Cục Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ dự án, trình Bộ Quốc phòng xem xét, phê duyệt.

4. Tiếp nhận bản kê khai giá của các đơn vị và giải quyết theo quy định.

5. Hàng năm, tổng kết công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, sử dụng; xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ báo cáo Bộ Quốc phòng.

6. Kiểm tra công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; phối hợp tham gia kiểm tra liên ngành của cơ quan quản lý Nhà nước về hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

7. Thực hiện việc giám sát kê khai giá và có trách nhiệm yêu cầu đơn vị, doanh nghiệp giải trình hoặc kê khai lại khi phát hiện giá kê khai không hợp lý.

8. Thẩm định các hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

**Điều 25. Cục Kế hoạch và Đầu tư**

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thẩm định dự án đầu tư phát triển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trình Bộ Quốc phòng phê duyệt.

2. Hướng dẫn đơn vị thực hiện công tác đầu tư, phát triển về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Cục Tài chính**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ quản lý ngân sách, vốn, tài sản được sử dụng trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

2. Hướng dẫn quản lý thu và sử dụng lệ phí thẩm định cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

**Điều 27. Các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng**

1. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

2. Xem xét, xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

3. Xác định các điều kiện đảm bảo kỹ thuật an toàn đối với các công trình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trước khi đề nghị xin cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

4. Tổ chức, phối hợp với cơ quan, đơn vị có chức năng huấn luyện kỹ thuật an toàn cho các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư này và đề nghị Tổng cục Công nghiệp quốc phòng cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 18 Thông tư này.

## Chương V
## CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

**Điều 28. Chế độ báo cáo**

1. Báo cáo định kỳ

a) Báo cáo tháng: Báo cáo cấp trên trực tiếp trước ngày 05 tháng sau.

b) Báo cáo quý: Báo cáo cấp trên trực tiếp và Tổng cục Công nghiệp quốc phòng trước ngày 25 tháng cuối quý;

c) Báo cáo năm: Các đơn vị lập báo cáo năm gửi cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và Tổng cục Công nghiệp quốc phòng trước ngày 10 tháng 01 của năm sau.

2. Báo cáo đột xuất

a) Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên hoặc khi có sự việc mất an toàn về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

b) Nội dung và thời gian báo cáo theo yêu cầu của cấp trên. Riêng báo cáo về vụ việc mất an toàn, trong vòng 24 giờ đơn vị phải báo cáo về cơ quan quản lý cấp trên.

**Điều 29. Thực hiện báo cáo**

1. Đơn vị sản xuất thực hiện chế độ báo cáo tháng, quý, năm theo quy định tại Điều 28 Thông tư này (Mẫu số 01) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Đơn vị kinh doanh, xuất nhập khẩu thực hiện chế độ báo cáo quý, năm theo quy định tại Điều 28 Thông tư này (Mẫu số 02 và Mẫu số 03) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Đơn vị sử dụng thực hiện chế độ báo cáo năm và khi xin cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Điều 28 Thông tư này (Mẫu số 09) và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

**Điều 30. Chế độ kiểm tra**

1. Các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sử dụng, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tự kiểm tra việc thực hiện và có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những hành vi vi phạm liên quan đến hoạt động vật liệu nổ công nghiệp.

2. Hàng năm, đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp của các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, sử dụng, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ tiến hành kiểm tra công tác quản lý sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

3. Định kỳ 6 tháng, cơ quan có thẩm quyền cấp phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ phải tiến hành kiểm tra các điều kiện và phương tiện vận chuyển đối với các đơn vị, doanh nghiệp thuộc quyền quản lý.

## Chương VI
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các quy định của Bộ Quốc phòng đã ban hành trước đây có liên quan về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

**Điều 32. Trách nhiệm thi hành**

Thủ trưởng Bộ Tổng Tham mưu, chỉ huy các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

**Thượng tướng Trương Quang Khánh**

**Phụ lục**

**DANH MỤC MẪU VĂN BẢN, MỆNH LỆNH, GIẤY PHÉP, GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-BQP ngày 11/3/2013 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)*

Mẫu số 01. Báo cáo kết quả sản xuất, tiêu thụ vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu số 02. Báo cáo kết quả kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Mẫu số 03. Báo cáo kết quả XNK vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Mẫu số 04. Công văn đề nghị cấp phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu số 05. Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Mẫu số 06. Báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ.

Mẫu số 07. Đơn đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu số 08. Giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh, an toàn.

Mẫu số 09. Báo cáo kết quả sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu số 10. Phương án nổ mìn.

Mẫu số 11. Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu số 12. Công văn đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

Mẫu số 13. Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.

**Mẫu số 01**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT, TIÊU THỤ VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi:.....(1b).....

Căn cứ.....(7).....;

.....(2)..... báo cáo tình hình sản xuất, tiêu thụ vật liệu nổ công nghiệp (tháng..., quý.../20.., năm...) như sau:

1. Kết quả sản xuất:

| **TT** | **Giá trị/Sản phẩm** | **ĐVT** | **Tồn kho** *(cuối kỳ trước)* | **Kế hoạch được giao** | **Thực hiện sản xuất** | **Tỷ lệ** *(%)* | **Dự kiến Sản xuất** *(kỳ tiếp theo)* | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5 | 6 |
| I | Giá trị | Tr.đ | | | | | | |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Tấn | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | cái | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Kết quả tiêu thụ:

| **TT** | **Giá trị/Sản phẩm** | **ĐVT** | **Tiêu thụ** *(kỳ báo cáo)* | | | **Dự kiến** *(kỳ tiếp theo)* | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | **Tổng cộng** | **Tổng Công ty KTKT CNQP** | **Tổng công ty CN HCM** | **Tổng cộng** | **Tổng Công ty KTKT CNQP** | **Tổng công ty CN HCM** |
| I | Giá trị | Tr.đ | | | | | | |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Tấn | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | cái | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Đánh giá tình hình sản xuất, tiêu thụ:

- Những thuận lợi, khó khăn...

3. Kiến nghị:

***Nơi nhận:*** .....(10).....

- .....;

- Lưu: VT,....; H01. *(Chữ ký, dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp;

(1b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp hoặc đơn vị yêu cầu thực hiện báo cáo;

(2) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện báo cáo;

(3) Số văn bản;

(4) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện báo cáo;

(5) Địa danh ghi tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

(6) Trích yếu nội dung báo cáo;

(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để thực báo cáo (ví dụ: Kế hoạch năm, Công văn của cơ quan đơn vị, yêu cầu thực hiện báo cáo...);

(8) Liệt kê cụ thể các loại thuốc nổ sản xuất, tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(9) Liệt kê cụ thể các loại phụ kiện sản xuất, tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(10) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kinh doanh).

**Mẫu số 02**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi:.....(1b).....

Căn cứ.....(7).....;

(2) báo cáo tình hình kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (quý.../20.., năm...) như sau:

1. Kết quả tiêu thụ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (áp dụng với báo cáo quý)

| TT | Giá trị/Sản phẩm | ĐVT | Tồn kho | Kế hoạch được giao | Tiêu thụ | | | Tỷ lệ (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Tổng cộng | Các đơn vị trong Quân đội | Các đơn vị ngoài Quân đội | |
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=3/2 |
| | Giá trị | Tr.đ | | | | | | |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Tấn | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | cái | | | | | | |
| 3 | Tiền chất thuốc nổ (10) | | | | | | | |
| 4 | Vật tư khác... | | | | | | | |

1. Kết quả tiêu thụ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (áp dụng với báo cáo năm)

| TT | Giá trị/Sản phẩm | ĐVT | Tiêu thụ nội địa | | | | Tồn kho | Tỷ lệ (%) so với năm trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm trước | Năm báo cáo | | Năm tiếp theo | | |
| | | | TH | KH | TH | KH | | |
| | Giá trị | Tr.đ | | | | | | |

| TT | Giá trị/Sản phẩm | ĐVT | Tiêu thụ nội địa | | | | Tồn kho | Tỷ lệ (%) so với năm trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm trước | Năm báo cáo | | Năm tiếp theo | | |
| | | | TH | KH | TH | KH | | |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Tấn | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | cái | | | | | | |
| 3 | Tiền chất thuốc nổ (10) | | | | | | | |
| 4 | Vật tư khác.. | | | | | | | |

2. Tình hình thực hiện các hợp đồng:

- Số lượng hợp đồng đã ký kết (đến thời điểm báo cáo):

+ Với các đơn vị trong Quân đội,

+ Với các doanh nghiệp ngoài Quân đội.

- Số lượng hợp đồng đã thực hiện:

+ Với các đơn vị trong Quân đội,

+ Với các doanh nghiệp ngoài Quân đội.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh cung ứng:

- Những thuận lợi, khó khăn

- Thực hiện hợp đồng mua bán: (kịp thời, đúng đủ nhu cầu, chất lượng sản phẩm...).

- Công tác quản lý:

4. Kiến nghị:

***Nơi nhận:*** .....(10).....

-.....;

- Lưu: VT,....; H01. *(Chữ ký, dấu)*

***Ghi chú:***

(1), (1b), (2), (3), (4), (5), (6), (7) như mẫu số 01;

(8) Liệt kê cụ thể các loại thuốc nổ (SX trong nước và nhập khẩu) tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(9) Liệt kê cụ thể các loại phụ kiện (SX trong nước và nhập khẩu) tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(10) Ghi cụ thể các loại tiền chất thuốc nổ (SX trong nước và nhập khẩu) tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(11) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kinh doanh).

**Mẫu số 03**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ XNK VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi:.....(1b).....

Căn cứ.....(7).....;

(2) báo cáo tình hình kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (quý.../20.., năm...) như sau:

1. Kết quả xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (áp dụng với báo cáo quý)

| TT | Giá trị/Sản phẩm | ĐVT | Tồn kho | Hạn ngạch được cấp | Thực hiện | Dự kiến nhập | Tỷ lệ (%) | Xuất khẩu |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/2 | 6 |
| | Giá trị | Tr.đ | | | | | | |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Tấn | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | cái | | | | | | |
| 3 | Tiền chất thuốc nổ (10) | | | | | | | |
| 4 | Vật tư khác... | | | | | | | |

1. Kết quả xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (áp dụng với báo cáo năm)

| TT | Giá trị/Sản phẩm | ĐVT | Xuất, nhập khẩu | | | | Tồn kho | Tỷ lệ (%) so với năm trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm trước | Năm báo cáo | | Năm tiếp theo | | |
| | | | TH | KH | TH | KH | | |
| I | Nhập khẩu | | | | | | | |
| | Giá trị | Tr.đ | | | | | | |

| TT | Giá trị/Sản phẩm | ĐVT | Xuất, nhập khẩu | | | | Tồn kho | Tỷ lệ (%) so với năm trước |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Năm trước | Năm báo cáo | | Năm tiếp theo | | |
| | | | TH | KH | TH | KH | | |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Tấn | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | cái | | | | | | |
| 3 | Tiền chất thuốc nổ (10) | | | | | | | |
| 4 | Vật tư khác.. | | | | | | | |
| II | Xuất khẩu (11) | | | | | | | |

2. Tình hình thực hiện các hợp đồng:
- Số lượng hợp đồng đã ký kết (đến thời điểm báo cáo):
+ Với các đơn vị trong Quân đội,
+ Với các doanh nghiệp ngoài Quân đội.
- Số lượng hợp đồng đã thực hiện:
+ Với các đơn vị trong Quân đội,
+ Với các doanh nghiệp ngoài Quân đội.
3. Đánh giá tình hình kinh doanh cung ứng:
- Những thuận lợi, khó khăn
- Thực hiện hợp đồng mua bán: (kịp thời, đúng đủ nhu cầu, chất lượng sản phẩm...).
- Công tác quản lý:
4. Kiến nghị:

***Nơi nhận:*** .....(10).....
- .....;
- Lưu: VT,....; H01. *(Chữ ký, dấu)*

***Ghi chú:***

(1), (1b), (2), (3), (4), (5), (6), (7) như Mẫu số 01;

(8) Liệt kê cụ thể các loại thuốc nổ (SX trong nước và nhập khẩu) tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(9) Liệt kê cụ thể các loại phụ kiện (SX trong nước và nhập khẩu) tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(10) Liệt kê cụ thể các loại tiền chất thuốc nổ (SX trong nước và nhập khẩu) tiêu thụ trong kỳ báo cáo;

(11) Liệt kê cụ thể các loại, VLNCN, tiền chất thuốc nổ xuất khẩu như mục (8), (9), (10);

(12) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kinh doanh).

**Mẫu số 04**

**CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi:.....(1b).....

Căn cứ.....(7).....;

Căn cứ Mệnh lệnh số...../ML-BTTM ngày..... của Bộ Tổng Tham mưu về việc phê duyệt kế hoạch vận chuyển của (1)... ;

Căn cứ vào hợp đồng số..... giữa...(2) và đơn vị..... về việc mua bán vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;

Căn cứ vào hợp đồng số..... giữa.....(2) và đơn vị..... về việc thuê vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ (áp dụng trong trường hợp thuê vận chuyển),

Để thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng kể trên,....(2)... đề nghị...(1)... xem xét cấp Mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo kế hoạch sau:

1. Số lượng chủng loại, nơi giao, nơi nhận.

2. Áp tải, người điều khiển phương tiện, phương tiện.

3. Tuyến đường vận chuyển.

*(Trường hợp có nhiều chủng loại, nơi giao, nơi nhận, người áp tải, người điều khiển phương tiện, phương tiện vận chuyển, tuyến đường vận chuyển, xây dựng thành phụ lục* )

4. Thời gian thực hiện từ ngày.... đến ngày.... tháng.... năm....

Đơn vị cam kết chấp hành nghiêm các quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009; Quy chuẩn 02:2008/BCT; Thông tư số...../2013/TT-BQP ngày...../.../2013 của Bộ Quốc phòng và các quy định của pháp luật có liên quan./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | .....(8)..... |
| - .....; | |
| - Lưu: VT,....; H01. | *(Chữ ký, dấu)* |

**Phụ lục**

***(Kèm theo Công văn số.../(4) ngày tháng năm của...(2).....)***

1. Số lượng, chủng loại, nơi giao, nơi nhận, người áp tải, người điều khiển, phương tiện vận chuyển

| TT | Chủng loại sản phẩm | ĐVT | Số lượng | Nơi nhận | Nơi giao | Phương tiện | Người điều khiển phương tiện | Người áp tải |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Tuyến đường vận chuyển

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp;

(1b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực thuộc Bộ Quốc phòng có thẩm quyền cấp phép vận chuyển: Bộ Tổng Tham mưu, quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Cục Cảnh sát biển;

(2) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp xin cấp phép vận chuyển

(3), (4), (5), (6), (7) như Mẫu số 01;

(8) Chức vụ người ký (Giám đốc, Chỉ huy trưởng, Phó giám đốc kỹ thuật, kinh doanh, Chỉ huy phó phụ trách tham mưu).

**Mẫu số 05**

**MỆNH LỆNH VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |

**MỆNH LỆNH**

**Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ**

Căn cứ.....(6).....;

Xét Công văn số..... ngày..... của..... (2) về việc cấp phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp hoặc tiền chất thuốc nổ;

Theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan Tham mưu...(1),

**.....(7).....**

**Điều 1.** Cho phép.....(2)...được sử dụng xe ôtô, lái xe, áp tải tại Mệnh lệnh số...../ML-BTTM ngày..... của Bộ Tổng Tham mưu để vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp theo kế hoạch, như sau:

1. Số lượng, chủng loại, nơi giao, nơi nhận

2. Áp tải, Người điều khiển, Phương tiện vận chuyển

3. Tuyến đường vận chuyển

*(Trường hợp có nhiều chủng loại, nơi giao, nơi nhận, người áp tải, người điều khiển phương tiện, phương tiện vận chuyển, tuyến đường vận chuyển, xây dựng thành phụ lục*)

**Điều 2.** Thời gian thực hiện từ ngày..... đến ngày..... tháng.... năm....

**Điều 3.**.....(2) cử cán bộ giám sát, kiểm tra công tác giao nhận, sắp xếp xe, lái xe, áp tải, bốc xếp và vận chuyển đúng chủng loại, số lượng, đúng thời gian, địa điểm, trữ lượng kho và đảm bảo tuyệt đối an toàn.

Quá trình vận chuyển phải tuyệt đối chấp hành các quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Không được dừng, nghỉ khi vận chuyển qua các thành phố, thị xã, thị trấn và các khu đông dân cư. Không được vận chuyển vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ vào các ngày lễ theo quy định và các ngày khác có thông báo cấm vận chuyển của Bộ Tổng Tham mưu.

**Điều 4.** Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Chính trị, Giám đốc hoặc thủ trưởng... (2), Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các trạm Kiểm soát quân sự dọc trên tuyến vận chuyển chịu trách nhiệm thi hành Mệnh lệnh này,....(2) có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện (bằng văn bản Mẫu số 06)./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | .....(8)..... |
| - .....; | |
| - Lưu: VT,....; H01. | *(Chữ ký, dấu)* |

**Phụ lục**

***(Kèm theo Mệnh lệnh số.../ML-(4). Ngày... tháng... năm... của...(1).....)***

1. Số lượng, chủng loại, nơi giao, nơi nhận, áp tải, người điều khiển, phương tiện vận chuyển

| TT | Chủng loại sản phẩm | ĐVT | Số lượng | Nơi nhận | Nơi giao | Phương tiện | Người điều khiển phương tiện | Người Áp tải |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Tuyến đường vận chuyển

***Ghi chú:***

(1) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cấp mệnh lệnh vận chuyển: Bộ Tổng Tham mưu, quân khu, quân chủng, quân đoàn, tổng cục, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Cục Cảnh sát biển;

(2) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp phép vận chuyển.

(3), (4), (5), (6) như Mẫu số 01;

(7) Thủ trưởng của cơ quan có thẩm quyền cấp phép vận chuyển (Ví dụ: Tổng Tham mưu trưởng, Tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng, binh đoàn, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Chủ nhiệm tổng cục...);

(8) Chức vụ người ký (Ví dụ: Tổng Tham mưu trưởng, Tư lệnh, Chủ nhiệm, Cục trưởng).

**Mẫu số 06**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VẬN CHUYỂN VLNCN, TIỀN CHẤT THUỐC NỔ**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi:.....(1b)

(7)... Căn cứ vào Mệnh lệnh số..... ngày.....của...(1b)...

...(2)... báo cáo kết quả thực hiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại các Mệnh lệnh trên như sau:

1. Số lượng chủng loại thực hiện vận chuyển

| TT | Số Mệnh lệnh, Tên vật liệu nổ hoặc tiền chất thuốc nổ | ĐVT | Mệnh lệnh cấp | Thực hiện | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| I | Mệnh lệnh số.../ML. Ngày | | | | |
| 1 | Thuốc nổ (8) | Kg | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | Cái | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Đánh giá chung: Khó khăn, thuận lợi...

3. Nguyên nhân không thực hiện theo đúng Mệnh lệnh cấp

4. Ý kiến, kiến nghị đơn vị

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | .....(10)..... |
| - .....; | |
| - Lưu: VT,....; H01. | *(Chữ ký, dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp;

(1b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp cấp phép vận chuyển;

(2) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện báo cáo;

(3), (4), (5), (6), (7) như Mẫu số 01;

(8) Liệt kê cụ thể các loại thuốc nổ thực hiện vận chuyển;

(9) Liệt kê cụ thể các loại phụ kiện thực hiện vận chuyển;

(10) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật).

**Mẫu số 07**
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

Kính gửi: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

Căn cứ.....(6).....;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-.... ngày..... của..... (cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng) về việc giao nhiệm vụ thi công công trình..... ; *(áp dụng đối với trường hợp giao nhiệm vụ thi công công trình quốc phòng)*

Căn cứ vào hợp đồng số..... giữa.....(2)..... và đơn vị..... về việc thi công công trình..... *(áp dụng đối với trường hợp nhận thầu thi công)*

Để thực hiện Quyết định số...../QĐ-.... ngày..... của..... hoặc hợp đồng số..... giữa.....(2)..... và đơn vị..... về việc thi công công trình.....

(2).....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....

Quyết định hoặc giấy phép thành lập số:.....

Do..... cấp ngày.....

Đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày.... tháng.... năm 20.....

Đề nghị Tổng cục Công nghiệp quốc phòng xem xét và cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho.....(2)....., như sau:

1. Số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp (7)

2. Mục đích sử dụng VLNCN:.....

3. Địa điểm sử dụng.....(8).....

4. Thời gian: từ ngày.../.../... đến ngày.../..../...

Đơn vị cam kết chấp hành nghiêm các quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số

54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009; Quy chuẩn 02:2008/BCT; Thông tư số...../2013/TT-BQP ngày...../.../2013 của Bộ Quốc phòng và các quy định của pháp luật có liên quan./.

| | |
|---|---|
| **XÁC NHẬN (1b)**<br>(Thủ trưởng đầu mối trực thuộc BQP là cấp trên của doanh nghiệp ký, đóng dấu ghi rõ họ tên) | .....(9).....<br>*(Chữ ký, dấu)* |

***Ghi chú:***

(1), (3), (4), (5) như Mẫu số 01;

(2) Cơ quan đề nghị cấp phép sử dụng vật liệu nổ;

(1b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực thuộc Bộ Quốc phòng;

(6) Nêu các căn cứ trực tiếp để làm cơ sở đề nghị cấp giấy phép sử dụng;

(7) Liệt kê số lượng chủng loại vật liệu nổ công nghiệp đề nghị cấp phép sử dụng;

(8) Địa điểm sử dụng vật liệu nổ công nghiệp ghi cụ thể xã, huyện, tỉnh;

(9) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật).

**Mẫu số 08**

**GIẤY XÁC NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH, AN TOÀN**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |

**GIẤY XÁC NHẬN**

Căn cứ.....(6).....:

Căn cứ Thông tư số.../2013/TT-BQP ngày.... của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ trong Quân đội;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan bảo vệ an ninh (2)/... (1);

Sau khi kiểm tra thực tế hiện trường, hồ sơ và các tài liệu có liên quan theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về quản lý và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp,

Cơ quan bảo vệ an ninh (2).....

**XÁC NHẬN:**

(Tên đơn vị sử dụng VLNCN).....

1. Có đủ điều kiện, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trong việc sử dụng và bảo quản vật liệu nổ công nghiệp:

1.1. Tại công trình....,địa điểm:..... (7)

1.2. Kho chứa vật liệu nổ công nghiệp tại....(7):

- Trữ lượng thuốc nổ:..... tấn
- Phụ kiện nổ:..... cái.

2. Số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp được sử dụng, như sau (8):

3. Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm.....

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | .....(9)..... |
| - .....; | |
| - Lưu: VT,....; H01. | *(Chữ ký, dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan Bảo vệ an ninh;

(2) Tên cơ quan Bảo vệ an ninh cấp giấy xác nhận;

(3), (4), (5) như Mẫu số 01;

(6) Nêu các căn cứ để cấp giấy xác nhận;

(7) Ghi tên công trình, địa điểm sử dụng và bảo quản vật liệu nổ công nghiệp;

(8) Liệt kê cụ thể từng chủng loại, số lượng, vật liệu nổ công nghiệp;

(9) Chức vụ người ký (Thủ trưởng cơ quan phụ trách vấn đề bảo vệ an ninh).

**Mẫu số 09**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi:.....(1b).....

Căn cứ Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số.... của...(7);

(2) báo cáo tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (năm...) như sau:

1. Kết quả sử dụng vật liệu nổ:

| **TT** | **Giá trị/Sản phẩm** | **ĐVT** | **Giấy phép cấp** | **Kết quả sử dụng** | **Tồn kho** | **Tỷ lệ** *(%)* | **Dự kiến sử dụng** *(kỳ tiếp theo)* | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | C | 1 | 2 | 3 | 4=3/2 | 5 | 6 |
| 1 | Thuốc nổ các loại (8) | Kg | | | | | | |
| 2 | Phụ kiện nổ (9) | Cái | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Đánh giá tình hình sử dụng:

- Những thuận lợi, khó khăn....

3. Kiến nghị:

***Nơi nhận:***
- .....;
- Lưu: VT,....; H01.

.....(10).....

*(Chữ ký, dấu)*

***Ghi chú:***

(1), (2), (3), (4), (5), (6) như Mẫu số 01;

(1b) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp hoặc đơn vị cấp phép sử dụng;

(7) Nêu các căn cứ trực tiếp để thực báo cáo (ví dụ: Giấy phép hoặc công văn của cơ quan đơn vị, yêu cầu thực hiện báo cáo...);

(8) Ghi cụ thể các loại thuốc nổ sử dụng theo giấy phép được cấp trong kỳ báo cáo;

(9) Ghi cụ thể các loại phụ kiện sử dụng theo giấy phép được cấp trong kỳ báo cáo;

(10) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật).

**Mẫu số 10**
**PHƯƠNG ÁN NỔ MÌN**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3)...../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |

**PHƯƠNG ÁN NỔ MÌN**
**Tại công trường hoặc mỏ đá.....(6)**

**I. Căn cứ lập phương án**

- Trích dẫn các quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn và thiết kế xây dựng, khai thác.. làm căn cứ để lập phương án;
- Quy mô xây dựng hoặc khai thác; tiến độ hoặc năng suất khai thác ngày, tháng, quý, năm;
- Sơ lược về phương pháp xây dựng, khai thác; thiết bị, nhân công;
- Giải thích từ ngữ, các cụm từ viết tắt (nếu có).

**II. Đặc điểm khu vực nổ mìn**

- Vị trí khu vực nổ mìn, cao độ, giới hạn tọa độ kèm theo bản đồ địa hình;
- Mô tả về đặc điểm dân cư, công trình, nhà không thuộc quyền sở hữu của đơn vị sử dụng VLNCN trong phạm vi bán kính 1.000m kể từ vị trí nổ mìn (kể cả các công trình ngầm);
- Đặc điểm đất đá khu vực nổ mìn hoặc điều kiện địa chất, môi trường khác (nước, bùn...);
- Hướng, trình tự khai thác, thay đổi về điều kiện địa chất, địa hình theo chu kỳ khai thác và ảnh hưởng có thể có đến công tác nổ mìn; ảnh hưởng đến các công trình, nhà dân xung quanh.

**III. Tính toán, lựa chọn các thông số khoan nổ mìn**

- Lựa chọn đường kính lỗ khoan, chiều cao tầng H (nếu đào hầm lò thì lựa chọn chiều dài một bước đào);
- Lựa chọn chiều sâu lỗ khoan;
- Lựa chọn chỉ tiêu thuốc nổ tính toán;
- Lựa chọn phương pháp nổ mìn;
- Lựa chọn VLNCN;
- Xác định các thông số khoảng cách lỗ, góc nghiêng lỗ khoan;
- Xác định lượng thuốc nạp cho một lỗ khoan tương ứng với chiều sâu lỗ khoan đảm bảo điều kiện an toàn về bua;

- Lựa chọn cấu trúc cột thuốc nổ trong lỗ khoan;

- Tính toán về an toàn (chấn động, sóng không khí và đá văng) xác định quy mô một lần nổ (kg);

- Lựa chọn khoảng cách an toàn cho người, thiết bị;

- Dự kiến số lượng VLNCN sử dụng hàng tháng.

**IV. Các biện pháp đảm bảo an toàn khi nổ mìn**

- Biện pháp an toàn khi bốc dỡ, vận chuyển VLNCN;

- Biện pháp an toàn khi nạp mìn;

- Biện pháp che chắn bảo vệ chống đá văng (nếu có);

- Quy định các tín hiệu cảnh báo an toàn và giờ giấc nổ mìn;

- Quy định về gác mìn;

- Biện pháp kiểm tra sau nổ và xử lý mìn câm;

- Các quy định bổ sung về biện pháp xử lý, ứng phó khi gặp sự cố về thời tiết, cản trở khác trong các khâu khoan, nạp..;

- Các hướng dẫn khác (nếu có).

**V. Tổ chức thực hiện**

- Trình tự thực hiện, thủ tục kiểm soát các bước;

- Quy định trách nhiệm của từng cá nhân, từng nhóm trong các khâu khoan, nạp, nổ và xử lý sau khi nổ mìn;

- Các quy định về báo cáo, ghi chép các sự kiện bất thường nhưng chưa đến mức xảy ra sự cố trong đợt nổ mìn; các ghi chép về sự cố nếu có (các nội dung này ghi ở phần kết quả nổ mìn trong hộ chiếu);

- Các quy định kỷ luật nội bộ khi có vi phạm;

- Hiệu lực của Phương án và ngày sửa đổi, bổ sung.

**NGƯỜI LẬP PHƯƠNG ÁN (7)** ..... (8).....

*(Chữ ký, dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp chủ quản trực tiếp;

(2) Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lập phương án;

(3), (4), (5) như Mẫu số 01;

(6) Ghi cụ thể tên công trường, mỏ đá có đề nghị cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ;

(7) Người Phụ trách hoặc chỉ huy nổ mìn tại công trường xin cấp giấy phép sử dụng;

(8) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật).

1. Lưu Giấy phép tại trụ sở chính và xuất trình Giấy phép khi được cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.
2. Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung trong Giấy phép.
3. Không được chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.

**Mẫu số 11a**

**GIẤY PHÉP SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

(mặt ngoài giấy phép)

BỘ QUỐC PHÒNG

**TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**

# GIẤY PHÉP

## SỬ DỤNG VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

Số...../GP-CNQP

| BỘ QUỐC PHÒNG<br>TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số:...../20…/GP-CNQP | *Hà Nội, ngày.... tháng... năm 20...* |

**GIẤY PHÉP**
**Sử dụng vật liệu nổ công nghiệp**

**CHỦ NHIỆM TỔNG CỤC**

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số…/2013/TT-BQP ngày…. của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ trong Quân đội;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-BQP ngày 06/3/2000 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép sử dụng VLNCN số…… ngày 03/01/2013 của……(1);

Theo đề nghị của Tham mưu trưởng Tổng cục CNQP,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép.....(1).....

Trụ sở:…….....

Được sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để nổ mìn.....

**Điều 2. Địa điểm, chủng loại, số lượng**

1. Địa điểm sử dụng:.....

2. Chủng loại và số lượng:

| TT | Chủng loại | ĐVT | Số lượng |
|---|---|---|---|
| 1 | Thuốc nổ công nghiệp các loại | | |
| 2 | Kíp các loại | | |
| 3 | Dây các loại | | |

**Điều 3. Trách nhiệm đơn vị**

...(1)…… phải thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP; Thông tư số…/2013/TT-BQP ngày…. của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ trong Quân đội; Quy chuẩn 02:2008/BCT và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước và Bộ Quốc phòng có liên quan. Đảm bảo an toàn lao động và trật tự an ninh xã hội.

**Điều 4.** Giấy phép có giá trị đến ngày.....

**Điều 5.** Tham mưu trưởng Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng; Giám đốc...(1), Thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm thực hiện theo Giấy phép này./.

**CHỦ NHỆM**
(Ký tên và đóng dấu)

***Nơi nhận:***
- ...(1);
- .....;
- Bộ Tham mưu;
- Lưu: VT, BTM; H04.

**Mẫu số 12**

**CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

| | |
|---|---|
| .....(1)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| ..... (2)..... | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: (3).../.....(4).... | *.....(5)....., ngày..... tháng..... năm 20...* |
| V/v.....(6)..... | |

Kính gửi: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng

Tên đơn vị (doanh nghiệp):.....

Trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....

Quyết định hoặc giấy phép thành lập số:.....

Do..... cấp ngày.....

Thực hiện Thông tư số..../2013/TT-BQP ngày.... của Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ trong Quân đội,

Từ ngày..../..../ 20... đến ngày...../...../ 20... đơn vị đã phối hợp với Trường (học viện, cơ sở)..... tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng Chỉ huy nổ mìn, thợ mìn, thủ kho, người điều khiển phương tiện, người áp tải vận chuyển VLNCN của đơn vị (danh sách kèm theo kết quả huấn luyện).

Quá trình huấn luyện đơn vị chấp hành nghiêm các quy định tại Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 của Chính phủ về vật liệu nổ công nghiệp và Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009; Quy chuẩn 02:2008/BCT; Thông tư số...../2013/TT-BQP ngày...../.../2013 của Bộ Quốc phòng và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đề nghị Tổng cục Công nghiệp quốc phòng xem xét và cấp Giấy chứng nhận kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng trên./.

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | .....(7)..... |
| - Như trên; | |
| -.....; | *(Chữ ký, dấu)* |
| - Lưu: VT,....; H01. | |

***Ghi chú:***

(1), (3), (4), (5), (6) như Mẫu số 01;

(2) Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy chứng nhận huấn luyện KTAT

(7) Chức vụ người ký (Yêu cầu: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, kỹ thuật).

**Mẫu số 13**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

**GIẤY CHỨNG NHẬN HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VLNCN**

Mặt ngoài: Kích thước: 190mm x 130mm

*(Dùng chung cho đối tượng quản lý và lao động trực tiếp)*

| | |
|---|---|
| | BỘ QUỐC PHÒNG<br>**TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG**<br><br>**GIẤY CHỨNG NHẬN**<br>HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP |

Mặt trong: Kích thước: 190mm x 130mm

*(Dùng cho cho đối tượng lao động trực tiếp)*

Mặt trong: Kích thước: 190mm x 130mm

<table>
<tr>
<td colspan="2">

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

HUẤN LUYỆN KỸ THUẬT AN TOÀN VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP CHO (THỦ KHO, THỢ MÌN, NGƯỜI VẬN CHUYỂN...)

</td>
<td rowspan="3">

Đã học lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN do..... mở

Từ ngày:..... đến ngày:.....

Đã thi kiểm tra đạt kết quả loại:.....

Được công nhận là thủ kho VLNCN hoặc Thợ mìn hạng..... hoặc người vận chuyển VLNCN

....., ngày.... tháng.... năm....

**KT. CHỦ NHIỆM**

**PHÓ CHỦ NHIỆM**

Ký tên đóng dấu

Đã qua lớp huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN bổ sung..... do..... mở

Đạt kết quả loại:.....

Được công nhận là: thủ kho VLNCN hoặc Thợ mìn hạng.... hoặc người vận chuyển VLNCN

..... ngày.... tháng.... năm....

**KT. CHỦ NHIỆM**

**PHÓ CHỦ NHIỆM**

Ký tên đóng dấu

</td>
</tr>
<tr>
<td>Ảnh 3 x 4</td>
<td>

Họ và tên:.....

Ngày sinh:.....

Trú quán:.....

Trình độ văn hóa:.....

Số:.....

</td>
</tr>
<tr>
<td colspan="2">Giấy chứng nhận này có giá trị.... năm từ ngày.... tháng.... năm... đến ngày.... tháng... năm...</td>
</tr>
</table>

Chú thích: Khi Giấy chứng nhận hết hạn người có giấy chứng nhận phải được huấn luyện và kiểm tra lại để được cấp giấy mới

Mặt trong: Kích thước: 190mm x 130mm

*(Dùng cho đối tượng quản lý)*

<table>
<tr><td colspan="2">CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u><br><br>GIẤY CHỨNG NHẬN<br>CHỦ NHIỆM TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG</td><td rowspan="3">Đã hoàn thành lớp huấn luyện:.....<br>Từ ngày:..... đến ngày:.....<br><br>Hà Nội, ngày... tháng... năm.....<br>KT. CHỦ NHIỆM<br>PHÓ CHỦ NHIỆM<br><br>Đã hoàn thành lớp huấn luyện:.....<br>Từ ngày:..... đến ngày:.....<br><br>Hà Nội, ngày.... tháng..... năm....<br>KT. CHỦ NHIỆM<br>PHÓ CHỦ NHIỆM</td></tr>
<tr><td>Ảnh 3x4</td><td>Chứng nhận đồng chí.....<br>Ngày sinh:.....<br>Nghề nghiệp.....<br>Đơn vị công tác:.....<br>Đã hoàn thành lớp huấn luyện Kỹ thuật an toàn hoạt động VLNCN từ ngày.... đến ngày....<br>Số:...../GCN</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hà Nội, ngày... tháng... năm...<br>KT. CHỦ NHIỆM<br>PHÓ CHỦ NHIỆM</td></tr>
</table>

Chú thích: Khi Giấy chứng nhận hết hạn người có giấy chứng nhận phải được huấn luyện và kiểm tra lại để được cấp giấy mới